

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN
MST: 2000503134

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 04 tháng 4 năm 2019

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Sở Tài chính và các Sở, Ban ngành chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch như sau:

1. Về sản lượng sản xuất năm 2018:

Công ty thực hiện khai thác rừng và khai thác tận dụng theo vị trí, ranh giới và diện tích cho phép, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật trong phương án thiết kế được duyệt. Kế hoạch thực hiện khai thác trắng, khai thác tận dụng rừng năm 2018 với tổng diện tích 328,80 ha/369,31 ha, đạt 89,0%; Sản lượng lâm sản thực hiện 31.723,4 m³/31.767,6 m³, đạt 99,86%. Trong đó thực hiện khai thác trắng 236,45 ha so với kế hoạch 256,55 ha, đạt 92,16%, sản lượng lâm sản lấy ra 29.437,2 m³/29.319,1 m³ đạt 100,4%. Thực hiện khai thác tận dụng rừng 92,35 ha, so với kế hoạch 112,76 ha đạt 81,89%, sản lượng lấy ra 2.286,2 m³/2.448,5 m³, đạt 93,37%. Nguyên nhân chủ yếu diện tích thực hiện khai thác trong hộ dân không đạt so với kế hoạch vì hộ dân xin tự nhận lại tổ chức khai thác trắng bán lại cho các nhà thầu nhỏ lẻ, giá cả thị trường giảm giá nhưng hộ dân bán với giá quá cao. Từ đó làm ảnh hưởng đến các hộ dân không thực hiện khai thác. Riêng khai thác tận dụng trong hộ dân do trữ lượng rừng có đường kính nhỏ, giá cả thị trường giảm giá, sản lượng lâm sản lấy ra khó tiêu thụ và không có lực lượng khai thác viên tĩa thừa, hộ dân xin để lại không thực hiện khai thác tận dụng. Từ những nguyên nhân nêu trên Công ty chưa có biện pháp ràng buộc hộ dân trong thực hiện khai thác trắng, khai thác tận dụng làm ảnh hưởng một phần đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

2. Về các chỉ tiêu tài chính:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018: 51.948 đồng, so với kế hoạch: 50.000 triệu đồng, đạt 103,89 %,

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018: 8.607 triệu đồng, so với kế hoạch: 8.300 đồng, đạt 103,69% .

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2018: 7.530 triệu đồng, so với kế hoạch là 6.640 triệu đồng, đạt 113,40%.

+ Các khoản thuế nộp ngân sách năm 2018: 6.425,8 triệu đồng, trong đó: Công ty thực hiện nộp ngân sách năm 2018: 4.826 triệu đồng (*Thuế TNCN: 265,8 triệu đồng, thuế TNDN 1.153 triệu đồng, thuế GTGT 151 triệu đồng, lệ phí môn bài 4 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 3.251,9 triệu đồng*), Đoàn kiểm tra thuế tỉnh Cà Mau kiểm tra thuế giai đoạn năm 2008 – 2017 theo Quyết định số: 2163/QĐ-CT ngày 16/11/2018 của Cục Thuế tỉnh Cà Mau về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, truy thu thuế: 1.599 triệu đồng, (*thuế TNDN 249,6 triệu đồng, thuế GTGT 581,2 triệu đồng, phạt vi phạm hành chính 169,3 triệu đồng, tiền chậm nộp 598,6 triệu đồng*). Công ty xây dựng kế hoạch không tính thuế thu nhập cá nhân vậy số thuế thực hiện nộp ngân sách năm 2018: 4.560,2 triệu đồng so với kế hoạch 3.300 triệu đồng đạt 138,18%. Đồng thời trong năm 2018 Công ty thực hiện Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Công văn số 838/CT-TTHTNNT ngày 31/5/2018 của Cục thuế Cà Mau về việc thu nhập miễn thuế đối với thu nhập từ trồng rừng, nuôi trồng thủy sản và thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tại Công văn số 2765/UBND-KT ngày 17/4/2018 về việc thuế sử dụng đất nông nghiệp thực hiện theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách đều tăng so với kế hoạch được giao nhằm góp phần cho Công ty năm 2018 hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

Thực hiện khai thác và tía thưa rừng năm 2019 đúng vị trí, ranh giới và diện tích cho phép, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật theo phương án thiết kế được duyệt. Kết quả thực hiện khai thác trắng: 310 ha (*trong đó quốc doanh quản lý 65,5 ha, hộ dân: 244,5 ha*), sản lượng 37.775 m³. Khai thác tận dụng 40 ha quốc doanh quản lý, với sản lượng lâm sản 400 m³. Với diện tích khai thác nêu trên hộ dân chiếm 78,87% so với diện tích quốc doanh quản lý, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019 (*Hàng năm hộ dân được ăn chia lợi nhuận tăng 6%, vì vậy lợi nhuận công ty giảm 6%*).

- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm

- Tổng doanh thu năm 2019: 47.000 triệu đồng (Doanh thu chưa có thuế), trong đó doanh thu lâm sản là chính 42.116 triệu đồng (*Doanh thu lâm sản quốc doanh quản lý: 13.244 triệu đồng, Hộ dân trực tiếp quản lý: 28.872 triệu đồng*), còn lại doanh thu khác: 4.884 triệu đồng, so với thực hiện năm 2018: 51.948 triệu đồng, đạt 90,47%.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2019: 3.200 triệu đồng so với thực hiện năm 2018: 8.607 triệu đồng, đạt 37,17%. Nguyên nhân diện tích khai thác rừng năm 2019 trong hộ dân chiếm tỷ lệ khai thác 78,87% so với diện tích khai thác quốc doanh quản lý, tỷ lệ ăn chia lâm sản trừ các khoản chi phí hộ dân được hưởng khoảng 85%, với giá trị ăn chia sản phẩm lâm sản khoảng 17.396 triệu đồng. Từ đó làm ảnh hưởng đến lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2019: 3.153 triệu đồng so với thực hiện năm 2018: 7.530 triệu đồng, đạt 41,87%.

- Thuế phải nộp ngân sách năm 2019: 320 triệu đồng, (trong đó: chỉ tiêu nộp thuế GTGT: 128,6 triệu đồng, thuế TNDN: 46,6 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế còn lại: 144,1 triệu đồng), so với thực hiện năm 2018: 6.425,8 triệu đồng, đạt 4,97%, Vì Công ty thực hiện Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016, tại điểm b, khoản 3, Điều 1 được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chấp thuận và thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Công văn số 838/CT-TTHTNNT ngày 31/5/2018 của Cục thuế Cà Mau về việc thu nhập miễn thuế đối với thu nhập từ trồng rừng, nuôi trồng thủy sản. Do lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động còn lại nộp ngân sách giảm so với năm 2018.

Công ty bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2019, để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

Đặc thù của Công ty chủ yếu là trồng, quản lý bảo vệ và phát triển rừng, khai thác chế biến lâm sản chủ yếu là rừng đước. Công ty xây dựng Đề án chuyển đổi Công ty thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên khi được phê duyệt. Công ty tìm các nhà đầu tư góp vốn mở rộng mô hình sản xuất kinh doanh như xây dựng nhà máy chế biến gỗ, chế biến than đạt chất lượng cao, đa dạng các sản phẩm than phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; Phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng, quảng bá các sản phẩm du lịch.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh nghề rừng là chính, Công ty thực hiện Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. Công ty đang xây dựng phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng sản xuất trình các Sở, Ban ngành chức năng phê duyệt làm cơ sở cho thực hiện khai thác trắng, khai thác tận dụng năm 2019.

Thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến thành Công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 về việc cổ phần hóa, thành lập ban chỉ đạo cổ phần hóa. Theo kế hoạch, các bước cổ phần hóa sẽ được hoàn tất và chuyển thành công ty cổ phần trong năm 2017. Trong quá trình thực hiện chuyển đổi còn gặp khó khăn trong việc quản lý bảo vệ rừng và đất rừng của các hộ dân trên lâm phần nên kéo dài thời gian thực hiện. Đồng thời Công ty thực hiện Công văn số 6611/UBND-NN ngày 23/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc Đề án, phương án sắp xếp các công ty lâm nghiệp. Công ty đã hoàn chỉnh Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hiến thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Khi Đề án Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty được phê duyệt, Công ty tìm các nhà đầu tư góp vốn, hoạch định chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể trong phương án sắp xếp chuyển đổi Công ty. Từ đó xây dựng các mô hình

liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong sản xuất lâm nghiệp, thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tạo thị trường ổn định cho các sản phẩm.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

*** Các giải pháp thực hiện**

1. Giải pháp về tài chính.

- Tăng cường quản lý tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý tài chính hiệu quả, trung thực, minh bạch, tin cậy tham mưu cho Chủ tịch và Ban giám đốc Công ty điều hành, lãnh chỉ đạo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Quan tâm công tác quản lý tài chính, đề phòng những rủi ro làm ảnh hưởng đến tài sản của Nhà nước.

- Vốn điều lệ Công ty bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trích từ quỹ đầu tư phát triển.

2. Giải pháp về sản xuất kinh doanh

- Căn cứ vào phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2019 – 2025 trình các Sở, ban ngành chức năng phê duyệt để làm cơ sở cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và nghiên cứu thực hiện phương án cấp chứng chỉ rừng để hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh nghề rừng bền vững. Công ty đang xây dựng Đề án chuyển đổi Công ty TNHH hai thành viên trở lên, khi được phê duyệt, tìm các nhà đầu tư góp vốn hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong phương án sắp xếp chuyển đổi Công ty.

3. Giải pháp về marketing.

- Đặc thù của Công ty là kinh doanh nghề rừng với điều kiện nguồn tài nguyên, thiên nhiên sẵn có để mở rộng các dịch vụ sản xuất kinh doanh, tìm các nhà đầu tư chiến lược mở rộng các mô hình nông, lâm, ngư nghiệp.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng bộ máy tổ chức phù hợp với địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển lâu dài, bền vững.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

- Đặc thù của Công ty là kinh doanh nghề rừng là chính, từng bước tìm các nhà đầu tư chiến lược để hoạch định kế hoạch áp dụng công nghệ - kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh. Hiện nay Công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh theo chu kỳ luân chuyển, khép kín. Do đó phải hoạch định chiến lược tìm các nhà đầu tư để mở rộng mô hình chế biến lâm sản, nuôi trồng thủy sản theo mô hình quản canh cải tiến năng suất cao.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành.

- Sử dụng các công nghệ thông tin trong quản lý điều hành các hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống quy chế, quy định quản lý điều hành của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm chuẩn hóa các hoạt động của Công ty theo hướng phát triển, có hiệu quả mang tính bền vững, lâu dài.

7. Giải pháp khác.

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1	M ³	38.175
	- Sản lượng 2		
		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu	Tỷ đồng	47.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.200
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	320
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	33.127
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

Người lập biểu



Nguyễn Cảnh Nguyên

Kế toán trưởng



Đinh Văn Diên

Giám đốc



Trần Ngọc Châu

PHỤ LỤC I
THÔNG BÁO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN
MST: 2000503134

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số : *02*.../PL

Tam Giang Tây, Ngày *01* tháng *01* năm 2019

Kính gửi : - Cục Phát triển Doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
- UBND tỉnh Cà Mau
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển

Mã số doanh nghiệp: 2000503134

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290.2214218, Email: ctylnngochien@gmail.com

Website: congtylamnghiepngochien.com

Sau đây chứng nhận: Ông (bà): Đinh Văn Điền

Điện thoại liên hệ: 0917877199 , Email: dinhdien79@gmail.com

Chức vụ tại doanh nghiệp: Kế toán trưởng

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển được giao thực hiện công bố thông tin của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển./.



PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP (Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN
MST: 2000503134

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 01 tháng 11 năm 2019

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định quỹ tiền lương, thưởng đối với người lao động, thực hiện theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP, ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số: 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định quỹ tiền lương, thưởng đối với người quản lý doanh nghiệp, thực hiện theo Căn cứ Nghị định số: 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thông tư số: 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2017. Xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động dựa trên cơ sở thực hiện theo Nghị định 51/2016/NĐ-CP và Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH trình các cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để chi trả lương.

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2016.. Xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp dựa trên cơ sở thực hiện theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH trình các cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để chi trả lương.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao so với kết quả

thực hiện trong năm để làm cơ sở báo cáo giám sát tài chính, trích quỹ khen thưởng thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành như:

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao so với kết quả thực hiện trong năm để làm cơ sở báo cáo giám sát tài chính, trích quỹ khen thưởng thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành như:

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA
DOANH NGHIỆP NĂM 2019**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo		Năm báo cáo
			Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		I	I	I
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	59	59	58
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	10.780	11.103	10.780
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	7.632,24	7.861,2	7.502,88
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phôi trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	1.908,06	982,6	1.875,72
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	13.475	12.491	13.475
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	4	4	4
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	23,49	23,49	23,49
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	1.240,8	1.302,84	1.240,8
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	25,85	27,14	25,85
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng	155,1	108,5	155,1
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	1.395,9	1.411,34	1.395,9
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	29,08	29,4	29,08

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng:

Công ty thực hiện quỹ tiền lương, tiền thưởng đúng theo các văn bản hướng dẫn hiện hành. Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tạo đời sống ổn định gắn bó lâu dài với Công ty.

Người lập biểu



Nguyễn Cảnh Nguyên

Kế toán trưởng



Đinh Văn Diên

Giám đốc




Trần Ngọc Châu

PHỤ LỤC I
THÔNG BÁO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN
MST: 2000503134

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số : *03*.../PL

Tam Giang Tây, Ngày *01*.. tháng *01*.. năm 2019

Kính gửi : - Cục Phát triển Doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
- UBND tỉnh Cà Mau
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển

Mã số doanh nghiệp: 2000503134

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290.2214218, Email: ctylnngochien@gmail.com

Website: congtylamnghiepngochien.com

Sau đây chứng nhận: Ông (bà): Đinh Văn Điền

Điện thoại liên hệ: 0917877199 , Email: dinhdien79@gmail.com

Chức vụ tại doanh nghiệp: Kế toán trưởng

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển được giao thực hiện công bố thông tin của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển./.



Trần Ngọc Thảo

PHỤ LỤC IX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN
MST: 2000503134

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 01 tháng 4 năm 2019

BIỂU SỐ 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM
Tên Doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển
Năm 2018

Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu số B02-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Ý kiến kiểm toán: Đã được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018**



Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền

1. Chủ tịch và Ban quản lý công ty

MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 23

57750
CHÍNH
NGUYỄN
KIỂM T
SAO
RANG

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

1. Chủ tịch và Ban giám đốc công ty

Chủ tịch và Ban giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2018 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Trần Ngọc Thảo	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Giám đốc

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2018 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Võ Công Đoàn	Kiểm soát viên

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản; Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 23.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không có

7. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

COJ
NH
TNH
DÂN
VIỆT
P.CP

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chủ tịch công ty công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Ngọc Thảo

Chủ tịch Công ty

Ngày 20 tháng 02 năm 2019





Số: 23 /2019/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiến

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiến ("Công ty"), được lập Ngày 20 tháng 02 năm 2019, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do Công ty chưa được xếp loại doanh nghiệp năm 2018 nên Công ty tạm phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi. Công ty sẽ điều chỉnh lại việc phân phối lợi nhuận năm 2018 ngay sau khi được kết quả xếp loại doanh nghiệp.
- Do đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2018 của các khoản phải thu khách hàng số tiền 435.564.791 đồng và các khoản chi phí phải trả ngắn hạn số tiền là 497.588.100 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực số dư của khoản công nợ nêu trên.
- Như đã nêu tại điểm 2(e) mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng số dư nợ phải thu khó đòi của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 2.371.308.098 đồng. Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1.103.608.298 đồng, số còn lại chưa trích lập dự phòng là 540.337.950 đồng. Điều này không phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 tăng lên một khoản tương ứng.

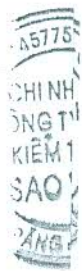
Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn, Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày tháng năm 2019

Lê Thị Hồng Phương, Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2016-107-1



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.573.467.169	34.746.626.687
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.177.087.195	31.200.060.694
1. Tiền	111		2.627.087.195	150.060.694
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.550.000.000	31.050.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	2.433.910.888	3.201.560.386
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.447.431.224	2.844.440.124
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		356.421.391	696.990.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		733.666.571	846.923.169
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.103.608.298)	(1.186.793.298)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	859.881.073	-
1. Hàng tồn kho	141		859.881.073	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	102.588.013	345.005.607
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		93.916.094	336.333.688
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.671.919	8.671.919
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.620.212.058	5.094.600.032
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.5	3.799.995.010	4.624.290.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.799.995.010	4.624.290.723
<i>Nguyên giá</i>	222		10.506.828.733	12.095.654.733
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.706.833.723)	(7.471.364.010)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.786.000	-
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	30.786.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		789.431.048	470.309.309
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	789.431.048	470.309.309
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.193.679.227	39.841.226.719

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.739.050.690	9.645.688.285
I. Nợ ngắn hạn	310		6.694.969.020	9.601.606.615
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	403.698.124	668.194.124
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	2.384.594.788	2.389.523.202
4. Phải trả người lao động	314		1.283.156.282	1.793.079.462
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	497.588.100	1.265.429.307
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	120.239.299	150.348.372
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.005.692.427	3.335.032.148
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		44.081.670	44.081.670
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	44.081.670	44.081.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.454.628.537	30.195.538.434
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	32.182.345.114	29.923.255.011
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.865.761.011	29.865.761.011
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.259.090.103	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		57.494.000	57.494.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		272.283.423	272.283.423
1. Nguồn kinh phí	431		112.324.311	112.324.311
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		159.959.112	159.959.112
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.193.679.227	39.841.226.719



Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểu



Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thảo
Giám đốc

Lập Ngày 20 tháng 02 năm 2019

CHI
ÔNG
KIẾN
SAC
BẢNG

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

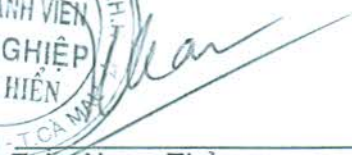
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44.556.048.517	46.141.538.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		44.556.048.517	46.141.538.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	35.160.183.423	30.538.485.857
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		9.395.865.094	15.603.053.112
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.499.228.863	1.746.110.385
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.397.291.906	7.567.769.266
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.497.802.051	9.781.394.231
11. Thu nhập khác	31	VI.5	5.893.678.937	1.602.204.880
12. Chi phí khác	32	VI.6	784.212.029	37.844.492
13. Lợi nhuận khác	40		5.109.466.908	1.564.360.388
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.607.268.959	11.345.754.619
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.076.968.615	2.322.992.634
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.530.300.344</u>	<u>9.022.761.985</u>



Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểu



Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thảo
Giám đốc

Lập Ngày 20 tháng 02 năm 2019

0-001-
ẢNH
Y TNHH
OÀN
VIỆT
P. C. N.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		36.489.705.227	39.845.626.810
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(19.364.131.331)	(14.016.973.876)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.631.265.612)	(9.144.372.681)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.153.746.864)	(3.360.147.206)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.519.446.221	12.488.552.160
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.435.489.167)	(42.026.086.427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(575.481.526)	(16.213.401.220)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(139.977.000)	(241.668.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.595.879.880
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(53.000.000.000)	(9.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		55.500.000.000	19.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.444.464.416	1.546.880.725
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.804.487.416	12.901.092.105

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.251.979.389)	(7.932.912.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.251.979.389)	(7.932.912.251)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22.973.499)	(11.245.221.366)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.200.060.694	42.445.282.060
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.177.087.195	31.200.060.694



Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểu

Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thảo
Giám đốc

Lập Ngày 20 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển được chuyển đổi từ Lâm nghiệp Ngọc Hiển, theo quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 20 tháng 09 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 là: 29.865.761.011 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Khai thác, chế biến lâm sản

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản; Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5775
HÌNH
DỰNG T
KIỂM
SAO
RANG

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2018 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	8 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 năm

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng tại Công ty là 20%.

Năm 2018, thu nhập từ trồng rừng (doanh thu bán lâm sản); nuôi trồng thủy sản (do Công ty tự nuôi, hoạt động liên kết liên doanh của Công ty là thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Các khoản thu nhập từ cho thuê mặt bằng, thu nhập từ chứng nhận tôm sinh thái, thu nhập từ hoạt động tài chính, thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% theo Công văn số 838/CT-TTHTNNT ngày 31/05/2018 của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

15. Nguyên tắc xác định chi phí tiền lương

Tổng quỹ lương của Công ty năm 2018 được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội và Công văn số 1308/LĐTBXH-LĐTL của Sở Lao Động Thương Binh & Xã Hội tỉnh Cà Mau ngày 27/02/2019. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý được trích lập căn cứ vào Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 và căn cứ vào Quyết định số 227/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau ngày 14/02/2019.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán Sao Việt tại Cần Thơ.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	762.361.743	86.934.005
Tiền gửi ngân hàng	1.864.725.452 (a)	63.126.689
Các khoản tương đương tiền	28.550.000.000	31.050.000.000
Cộng	<u>31.177.087.195</u>	<u>31.200.060.694</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP PT Tp.HCM (HD Bank)	1.794.073	52.366.073
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	1.902.805	1.114.615
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	1.439.142	1.428.899
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà Mau	1.839.155.582	1.245.730
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Cà Mau	1.004.337	1.000.055
- Ngân hàng Vietinbank - CN Cà Mau	1.483.477	1.015.131
- Ngân hàng NN & PTNT - CN Cà Mau	550.127	790.727
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Cà Mau	5.869.024	1.183.450
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Cà Mau	10.316.241	1.795.348
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Cà Mau	1.210.644	1.186.661
Cộng	<u>1.864.725.452</u>	<u>63.126.689</u>

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại	28.550.000.000	31.050.000.000
Cộng	<u>28.550.000.000</u>	<u>31.050.000.000</u>

5725
CHÍNH
ĐNG T
KIỂM T
SAO
PANG

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.447.431.224 (b)	2.844.440.124
Trả trước cho người bán ngắn hạn	356.421.391 (c)	696.990.391
Phải thu ngắn hạn khác	733.666.571 (d)	846.923.169
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.103.608.298) (e)	(1.186.793.298)
Cộng	<u>2.433.910.888</u>	<u>3.201.560.386</u>

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP CBTS&XNK Camimex	1.830.273.600	2.137.066.500
- Ông Trần Thanh Hùng	403.698.124	403.698.124
- Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000
- Ông Võ Thanh Liêm	-	62.500.000
- Ông Lưu Tấn Lực	31.866.667	31.866.667
- Ông Nguyễn Tiến Dũng	31.893.333	31.893.333
- Ông Nguyễn Văn Thống	20.000.000	20.000.000
- Ông Trương Trung Nghĩa	-	16.012.500
- Ông Nguyễn Việt Nam	-	13.333.000
- Ông Trần Văn Nguyễn	10.402.500	15.390.000
- Ông Võ Minh Chơn	9.680.000	9.680.000
- Ông Nguyễn Chí Linh	9.000.000	9.000.000
- Ông Huỳnh Văn Hòa	6.617.000	-
Cộng	<u>2.447.431.224</u>	<u>2.844.440.124</u>

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	356.421.391	696.990.391
- Viện Khoa Học Lâm Nghiệp Nam Bộ		367.600.000
- Ông Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000
- Trung Tâm Thông tin TM & MT Cà Mau	63.000.000	63.000.000
- Công ty TNHH XDTM & DV Nam Hà	107.000.000	-
- Ông Lê Văn Tăng	20.000.000	-
- Ông Lê Thanh Thuận	-	50.000.000
- Ông Phạm Thanh Bình	35.971.391	47.971.391
- Ông Phạm Hòa Bình	-	30.419.000
- Ông Lê Quốc Tạo	-	13.000.000
- Các nhà cung cấp khác	40.450.000	35.000.000
Cộng	356.421.391	696.990.391

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	261.874.000	110.531.825
- Phải thu khác	471.792.571	736.391.344
* Phải thu của Cty TNHH MTV LN U Minh Hạ	403.698.124	403.698.124
* Ông Nguyễn Hữu Huyền	-	35.666.000
* Ông Mai Thanh Phùng	-	5.100.000
* Ông Phạm Công Thức	13.330.000	13.330.000
* Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	54.764.447	61.545.220
* Phải thu của các cá nhân khác	-	217.052.000
Cộng	733.666.571	846.923.169

(e) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số dự phòng</u>
- Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	1.149.508.500	50%	34.416.300
- Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	508.692.000	70%	356.084.400
- Nợ quá hạn trên 3 năm	713.107.598	100%	713.107.598
Cộng	2.371.308.098		1.103.608.298

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	859.881.073 (f)	-
Cộng	859.881.073	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: không có

- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

(f) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trồng rừng	636.141.073	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh thủy sản - vuông tôm	223.740.000	-
Cộng	859.881.073	-

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	93.916.094 (g)	336.333.688
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	8.671.919	8.671.919
Cộng	102.588.013	345.005.607

(g) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	93.916.094	336.333.688
Cộng	93.916.094	336.333.688

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	12.095.654.733	-	1.588.826.000	10.506.828.733
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.449.863.951	-	1.043.624.000	7.406.239.951
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.375.710.818	-	-	1.375.710.818
- Thiết bị quản lý	104.153.637	-	-	104.153.637
- Tài sản cố định khác	2.165.926.327	-	545.202.000	1.620.724.327
Hao mòn lũy kế	7.471.364.010	808.117.145	1.572.647.432	6.706.833.723
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.815.825.612	526.577.225	1.027.445.432	5.314.957.405
- PT vận tải, TB truyền dẫn	427.572.019	88.588.512	-	516.160.531
- Thiết bị quản lý	55.801.540	23.882.376	-	79.683.916
- Tài sản cố định khác	1.172.164.839	169.069.032	545.202.000	796.031.871
Giá trị còn lại	4.624.290.723			3.799.995.010
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.634.038.339			2.091.282.546
- PT vận tải, TB truyền dẫn	948.138.799			859.550.287
- Thiết bị quản lý	48.352.097			24.469.721
- Tài sản cố định khác	993.761.488			824.692.456

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.141.448.617
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: Không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Thanh lý, nhượng bán	592.169.000
- Bàn giao tài sản cho Công ty TNHH Việt Úc - Ngọc Hiển	543.407.000
- Bàn giao tài sản cho Công ty CP Thủy Sản N.G Việt Nam	453.250.000
Cộng	1.588.826.000

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Khấu hao trong năm	808.117.145
Cộng	808.117.145

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Thanh lý, nhượng bán	1.572.647.432
Cộng	1.572.647.432

6. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.786.000	-
Cộng	30.786.000	-

7. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	789.431.048 (h)	470.309.309
Cộng	789.431.048	470.309.309

(h) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê cải tạo ruộng tôm	76.578.250	219.024.996
- Chi phí công cụ, dụng cụ	712.852.798	251.284.313
Cộng	789.431.048	470.309.309

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U Minh Hạ	403.698.124 (*)	403.698.124
- Công ty CP TVTK Xây Dựng Minh Tâm	-	241.043.000
- Công ty TNHH XD TMDV Nam Hà	-	14.653.000
- Công ty CP Xây Dựng Hoàng Mai	-	8.800.000
Cộng	403.698.124	668.194.124

(*) Khoản phải trả ngắn hạn cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ này bằng với số tiền phải thu của Ông Trần Thanh Hùng. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Ông Trần Thanh Hùng không đồng ý xác nhận khoản công nợ phải thu, phải trả này do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Ông Trần Thanh Hùng cho rằng hai khoản công nợ này sẽ được cân trừ nhau. Tuy nhiên, theo Báo cáo của kiểm toán Nhà Nước năm 2013 hai khoản công nợ này không được cân trừ nhau do không cùng đối tượng.

9. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp	2.389.523.202	6.421.662.466	6.426.590.880	2.384.594.788
- Thuế GTGT	41.378.659	135.108.398	160.298.322	16.188.735
- Thuế TNDN	596.165.154	1.334.568.566	1.411.346.815	519.386.905
- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phải nộp khác	1.751.979.389	4.947.985.502	4.850.945.743	1.849.019.148
Phải thu	(8.671.919)	-	-	(8.671.919)
- Thuế tài nguyên	(6.571.919)	-	-	(6.571.919)
- Các loại thuế khác	(2.100.000)	-	-	(2.100.000)
Cộng	2.380.851.283	6.421.662.466	6.426.590.880	2.375.922.869

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

10. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí phương án sử dụng đất	126.225.000	126.225.000
- Chi phí vật tư, nhân công, ăn chia lâm sản	311.363.100	338.004.307
- Chi phí phải trả khác	60.000.000	801.200.000
Cộng	497.588.100	1.265.429.307

11. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	10.991.731	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	38.000.000
- Phải trả Công ty Lâm Nghiệp 184	-	92.074.534
- Phải trả các nhà cung cấp khác	109.247.568	20.273.838
Cộng	120.239.299	150.348.372

12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	44.081.670	44.081.670
- Kinh phí dự án tôm sinh thái	44.081.670	44.081.670
Cộng	44.081.670	44.081.670

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	13.566.087.962	21.525.756.704	57.494.000	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	9.022.761.985
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.706.828.596	-	(2.706.828.596)
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư PT	16.299.673.049	(16.299.673.049)	-	-
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(169.164.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(1.994.790.000)
Nộp lợi nhuận về Ngân sách NN	-	-	-	(4.151.979.389)
Giảm khác	-	(7.932.912.251)	-	-
Số dư cuối năm trước	29.865.761.011	-	57.494.000	-

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	29.865.761.011	-	57.494.000	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.530.300.344
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.259.090.103	-	(2.259.090.103)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(108.570.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(982.650.900)
Nộp lợi nhuận về Ngân sách NN	-	-	-	(3.349.019.148)
Thuế TNDN và VAT bị truy thu	-	-	-	(830.970.193)
Số dư cuối năm nay	29.865.761.011	2.259.090.103	57.494.000	-

345
 CHI
 ĐNG
 KIẾ
 SAK
 345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a) *Nợ khó đòi đã xử lý:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi của các cá nhân	365.199.800	366.199.800
Cộng	365.199.800	366.199.800

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
- Doanh thu thành phẩm	44.401.034.917	43.355.105.969
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	155.013.600	2.786.433.000
Cộng	44.556.048.517	46.141.538.969

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
- Giá vốn thành phẩm	35.160.183.423 (&)	30.538.485.857
Cộng	35.160.183.423	30.538.485.857

(&) *Giá vốn lâm sản này bao gồm chi phí thiết kế phương án khai thác rừng với số tiền là 963.393.000 đồng. Đây là chi phí thiết kế khai thác và trồng rừng do nhân viên kỹ thuật của Công ty thực hiện ngoài giờ.*

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.499.228.863	1.746.110.385
Cộng	1.499.228.863	1.746.110.385

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí nhân viên quản lý	5.212.622.015	4.887.490.613
- Chi phí đồ dùng văn phòng	171.415.512	198.182.421
- Chi phí khấu hao TSCĐ	188.336.165	244.287.559
- Thuế, phí và lệ phí	673.386.811	370.204.872
- Chi phí dự phòng	-	441.140.174
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.914.741	516.207.771
- Chi phí bằng tiền khác	857.616.662	910.255.856
Cộng	7.397.291.906	7.567.769.266

5. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
- Thu bán hồ sơ đấu giá	29.000.000	3.000.000
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	112.348.372	1.000.000
- Các khoản thu khác	5.752.330.565	1.598.204.880
Cộng	5.893.678.937	1.602.204.880

6. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	784.212.029	37.844.492
Cộng	784.212.029	37.844.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.979.200.000	2.069.929.000
- Chi phí nhân công	28.038.819.403	15.383.780.024
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	808.117.145	853.619.408
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.057.104.669	7.649.255.806
- Chi khác bằng tiền	4.166.606.485	4.848.955.876
Cộng	43.049.847.702	30.805.540.114

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	1.076.968.615	2.322.992.634
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.076.968.615	2.322.992.634

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)</i>	-
<i>Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)</i>	8.607.268.959
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)</i>	768.033.461
- Các khoản phạt vi phạm chế độ quản lý Nhà nước	768.033.461
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)</i>	-
<i>Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)</i>	9.375.302.420
- Lợi nhuận được miễn thuế TNDN	3.990.459.346
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	5.384.843.074
Thuế TNDN	1.076.968.615
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)	1.076.968.615
<i>Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6)</i>	7.530.300.344
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	2.259.090.103
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	108.570.000
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	982.650.900
- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp NSNN	3.349.019.148
- Thuế TNDN và thuế GTGT bị truy thu	830.970.193
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</i>	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị trình bày: VND

3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

a) Các giao dịch với Ban lãnh đạo Công ty trong năm

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng Ban Giám Đốc	1.130.532.002	1.319.307.346
Thù lao Ban kiểm soát	324.933.030	427.800.670

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Những thông tin khác

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,21%	87,21%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,79%	12,79%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	17,19%	24,21%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	82,81%	75,79%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	5,82	4,13
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	5,16	3,62
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	4,66	3,25
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	19,32%	24,59%
- Tỷ suất LN sau thuế trên doanh thu	%	16,90%	19,55%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	%	21,96%	28,48%
- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	%	19,21%	22,65%
3.3 Tỷ suất LN sau thuế trên nguồn vốn CSH			
	%	23,40%	30,15%


Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập


Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng




Trần Ngọc Thảo
Giám đốc
Lập Ngày 20 tháng 02 năm 2019